

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 151/2022/DS-PT

Ngày 04-11-2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Khương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Toàn

Ông Nguyễn Hoàng Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trâm Thị Phương Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Sơn Cươl - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31-10-2022, ngày 04-11-2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2021/TLPT-DS ngày 13-10-2021 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 119/2021/DS-ST ngày 31-8-2021 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 195/2021/QĐ-PT ngày 04-11-2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng H Việt Nam, địa chỉ trụ sở: Tòa nhà NKB, HDT, phường TH, quận CG, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn U, Phó Trưởng phòng phụ trách tín dụng và chăm sóc thành viên Ngân hàng H Việt Nam chi nhánh tỉnh Sóc Trăng, địa chỉ: số SBC đường QL 1A, P2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện ủy quyền theo Thông báo số 501/TB-NHHT.ST ngày 29/9/2022 của Ngân hàng H Việt Nam chi nhánh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Văn Chính N, địa chỉ: số MTM, ấp KG 2, xã KT, huyện KS, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lê Thị D, địa chỉ: Ấp KG 2, xã KT, huyện KS, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị D: Ông Lê Văn Chính N, địa chỉ: số MTM, ấp KG 2, xã KT, huyện KS, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 21/5/2021 (vắng mặt).

+ Ông Thạch Q (vắng mặt);

+ Bà Danh Thị T (vắng mặt),

Cùng địa chỉ: Ấp TT, xã LH, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của ông Thạch Q, bà Danh Thị T: Ông Trần Việt H, địa chỉ: LK 02 - 41, đường CB, Khu dân cư MC, Khóm M, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 14/6/2021 (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Ông Triệu Minh H1, địa chỉ: số TMB, đường THĐ, Khóm T, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

+ Ông Lê Văn Ch, địa chỉ: số MCN/MT, đường THĐ, Khóm T, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Việt H, là người đại diện theo ủy quyền của ông Thạch Q, bà Danh Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện ngày 08-3-2021 và trình bày của Ngân hàng H Việt Nam (sau đây viết tắt là Ngân hàng) trong quá trình giải quyết vụ án:

Ngân hàng H Việt Nam Chi nhánh Sóc Trăng (sau đây viết tắt là Chi nhánh Ngân hàng) có cho ông Lê Văn Chính N vay 700.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 01.06/15/HĐTD ngày 10-02-2015 để bổ sung vốn lưu động cho việc nuôi cá Tra theo mô hình công nghiệp; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất cho vay là 0,85%/tháng (có điều chỉnh). Để bảo đảm tiền vay, ông N được ông Thạch Q và bà Danh Thị T cho sử dụng tài sản để thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 48, tờ bản đồ số 02, diện tích 44.217,9 m² tại ấp TT, xã LH, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 512943 do Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Danh Thị T ngày 31-12-2008.

Sau khi vay, ông N chỉ trả được 131.080.000 đồng gốc, chưa trả lãi. Tính đến ngày 08-3-2021, ông N còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 1.029.066.900 đồng, trong đó vốn gốc là 568.920.000 đồng, tiền lãi là 460.855.700 đồng.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn Chính N trả số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31-8-2021) là 1.065.113.700 đồng, gồm 568.920.000 đồng gốc, 496.193.700 đồng lãi và tiền lãi phát sinh cho

đến khi trả hết nợ; trường hợp ông N không trả hoặc trả không đầy đủ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- Theo trình bày của ông Lê Văn Chính N:

Ông N thừa nhận có vay số tiền 700.000.000 đồng của Chi nhánh Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng ngày 10-02-2015. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 48, tờ bản đồ số 02, diện tích 44.217,9 m² tọa lạc tại ấp TT, xã LH, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN512943 do Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu cấp cho bà T ngày 31-12-2008.

Ông N thừa nhận còn nợ Ngân hàng 568.920.000 đồng gốc cùng tiền lãi phát sinh và đồng ý trả nợ cho Ngân hàng, nhưng đề nghị mỗi hai tháng trả 200.000.000 đồng, trả hết nợ gốc sau đó trả lãi cho đến khi hết toàn bộ số tiền còn nợ. Nếu không thực hiện thì ông N sẽ thỏa thuận với ông Q, bà T việc xử lý tài sản thế chấp.

- Theo trình bày của ông Thạch Q:

Ông Q và vợ là Danh Thị T có nhu cầu sử dụng số tiền 150.000.000 đồng vốn nên có nhờ ông Lê Văn Chính N vay dùm và đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N để thế chấp làm thủ tục vay tại Ngân hàng H. Ông N đã vay và đưa cho vợ chồng ông Q, bà T số tiền 132.600.000 đồng, hàng tháng vợ chồng Ông đóng lãi đầy đủ cho Ngân hàng; sau đó ông Q có mang số tiền 132.600.000 đồng đến ngân hàng để trả và yêu cầu làm thủ tục nhận lại tài sản thế chấp thì Ngân hàng không đồng ý, vì Ngân hàng cho biết ông N đã vay đến 700.000.000 đồng gốc, khi nào thanh toán hết khoản nợ này thì mới giải quyết.

Ông Q thừa nhận vợ chồng Ông có đến Chi nhánh Ngân hàng để ký thủ tục thế chấp tài sản bảo đảm cho khoản tiền vay tại Ngân hàng cùng với ông N, nhưng không biết ông N đã lợi dụng sự tin tưởng của vợ chồng ông N để vay số tiền gốc lên đến 700.000.000 đồng. Vợ chồng ông N đồng ý trả ngay số tiền 132.600.000 đồng, là phần tiền vay của vợ chồng ông, nếu không thực hiện thì vợ chồng ông Q, bà T đồng ý cho xử lý tài sản thế chấp.

- Theo trình bày của ông Trần Việt H đại diện theo ủy quyền của ông Q và bà T trình bày:

Bà Danh Thị T bị lừa dối, việc ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản là do một số cá nhân lập không nhằm mục đích lấy tiền của ngân hàng để chi tiêu riêng. Ông Hưng yêu cầu Tòa án giải quyết theo hướng không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 119/2021/DS-ST ngày 31-8-2021 (đã được sửa chữa, bổ sung), Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

“Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 317, 323, 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 90, 91, 94 và 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ các Điều 7, 8 và 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Lê Văn Chính N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng H Việt Nam số tiền nợ gốc là 568.920.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 496.193.700 đồng, tổng cộng là 1.065.113.700 đồng (một tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu một trăm mười ba nghìn bảy trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Lê Văn Chính N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc thanh toán nợ cho ngân hàng, thì Ngân hàng H Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi bán đấu giá tài sản thế chấp để thi hành án. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất theo Giấy Chứng nhận số AN512943 do UBND thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Danh Thị T ngày 31-12-2008 gồm thửa đất số 48, tờ bản đồ số 02, diện tích 44.217,9 m² tọa lạc tại ấp TT, xã LH, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.”

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 28-9-2021, người đại diện theo ủy quyền của ông Thạch Q, bà Danh Thị T là ông Trần Việt H kháng cáo cho rằng bà T đã bị lừa dối để ký kết nên Hợp đồng thế chấp bị vô hiệu theo quy định tại Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2005 (tương ứng Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015). Từ đó, đề nghị Tòa

án nhân dân tỉnh Sóc Trăng sửa một phần bản án trên theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp của bà T.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng không rút lại đơn khởi kiện, ông Thạch Q, bà Danh Thị T không rút kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của việc kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Thạch Q, bà Danh Thị T và áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự để giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của ông Thạch Q, bà Danh Thị T là ông Trần Việt H phù hợp với quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Ông Trần Việt H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Ông Lê Văn Chính N, bà Lê Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; Ông Lê Văn Ch vắng mặt nhưng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án.

[3] Án sơ thẩm nhận định Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01.06/15/HĐTC ngày 13-02-2015 để bảo đảm cho khoản tiền vay, đã được công chứng và đăng ký thế chấp theo quy định pháp luật; đồng thời, tại Biên bản lấy lời khai ngày 21-5-2021, ông Q cũng thừa nhận vợ chồng ông có cùng ông N làm thủ tục đăng ký thế chấp bất động sản để bảo đảm tiền vay. Từ đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng. Còn ông Thạch Q, bà Danh Thị T cho rằng bị lừa dối nên Hợp đồng thế chấp này vô hiệu.

[4] Hồ sơ vụ án thể hiện Hợp đồng tín dụng số 01.06/15/HĐTD được Chi nhánh Ngân hàng (do ông Lê Văn Ch là Giám đốc, làm đại diện) và ông Lê Văn Chính N ký kết vào ngày 10-02-2015 (bút lục số 34-35). Tại Điều 5 của Hợp đồng, hai bên thỏa thuận tiền vay được bảo đảm bằng việc bảo lãnh bởi tài sản là quyền sử dụng đất nuôi trồng thủy sản trị giá 972.793.800 đồng của bên thứ ba theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01.06/15/HĐTC ngày 13-02-2015.

[5] Trong khi Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01.06/15/HĐTC đến ngày 13-02-2015 mới được Chi nhánh Ngân hàng (do ông Ch là Giám đốc, làm đại diện), ông N và vợ chồng ông Thạch Q, bà Danh Thị T ký kết (bút lục số 37-43) và được Văn phòng Công chứng Sóc Trăng công chứng lúc 13 giờ 30 phút ngày 13-02-2015 và Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng đăng ký thế chấp vào ngày 14-02-2015. Nội dung Hợp đồng này

thể hiện Chi nhánh Ngân hàng (do ông Ch là Giám đốc, làm đại diện), ông N và vợ chồng ông Thạch Q, bà Danh Thị T thỏa thuận ông Q, bà T thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 48, tờ bản đồ số 02, diện tích 44.217,9 m² tọa lạc tại ấp TT, xã LH, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 512943 (sổ vào sổ 81913090266) do Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Danh Thị T ngày 31-12-2008 để bảo lãnh cho nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 01.06/15/HĐTD ngày 10-02-2015 trong giới hạn số tiền dư nợ gốc là 700.000.000 đồng và toàn bộ tiền lãi, phí.... phát sinh.

[6] Theo trình bày của ông Triệu Minh H1 tại phiên tòa thì ông H1 có quen biết với ông Lê Văn Ch (là Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng) từ trước. Ông Thạch Q, bà Danh Thị T là người cần vốn để nuôi sù; ông Q, bà T có giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để nhờ ông H1 tìm Ngân hàng cho vay tiền. Ông H1 đã giao lại Giấy chứng nhận này cho ông Ch để được xem xét, giải quyết cho vay. Sau khi cán bộ, nhân viên Chi nhánh Ngân hàng thẩm định tài sản này xong thì ông H1 được ông Ch cho biết ông Q, bà T được vay số tiền khoảng 132.000.000 đồng, nhưng ông Q, bà T không được trực tiếp đứng tên vay do vào thời điểm này Chi nhánh Ngân hàng không cho vay tiền để đầu tư nuôi tôm. Trường hợp ông Q, bà T tiếp tục muốn vay thì phải thế chấp tài sản này để đảm bảo cho khoản vay là 700.000.000 đồng gốc và do em ruột của ông Ch là ông Lê Văn Chính N đứng tên bên vay. Sau khi được nhận 700.000.000 đồng của Ngân hàng thì ông N cho ông Q, bà T vay lại, số tiền còn lại thì ông N sử dụng và hai bên thỏa thuận khi đến hạn trả nợ gốc thì mỗi bên có trách nhiệm thanh toán đủ số tiền gốc đã nhận cho Ngân hàng; riêng tiền lãi hàng tháng thì ông Q, bà T trả cho ông N thông qua ông H1.

[7] Ý kiến trình bày nêu trên của ông H1 là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do ông Q, bà T cung cấp. Cụ thể, tại Biên nhận tài sản ngày 08/01/2015 thể hiện việc bà T giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 512943 ngày 31-12-2008 cho ông H1 (bút lục số 50); theo Giấy nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 14/02/2015 (bút lục số 51-52) được ký giữa ông Lê Văn Chính N và vợ chồng ông Thạch Q, bà Danh Thị T thì hai bên căn cứ vào Hợp đồng thế chấp số 01.06/15/HĐTC ngày 13-02-2015, ông N cho ông Q, bà T vay số tiền là 132.600.000 đồng với lãi suất 1%/tháng, trả nợ gốc vào ngày 02/02/2016 và cam kết nếu ông Q, bà T không trả tiền cho ông N thì ông Q, bà T phải ký tiếp hợp đồng thế chấp để ông N được tiếp tục vay vốn; còn nội dung Giấy giới thiệu cho người đi nhận thu tiền lãi ngày 12-5-2015, Bản kê theo dõi, Biên nhận thu tiền lãi được lập thành hai bản (các bút lục số 53, 56, 57) thể hiện ông N giao cho ông H1 đi thu tiền lãi của số tiền 132.600.000 đồng gốc mà ông Q, bà T đã vay của ông N và việc nhận ông H1 tiền lãi từ ông Q.

[8] Các tình tiết trên cho thấy án sơ thẩm nhận định Hợp đồng thế chấp số 01.06/15/HĐTC ngày 13-02-2015 có hiệu lực do đã được công chứng, đăng ký thế chấp theo quy định, từ đó chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân

hàng là chưa phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Bởi việc công chứng hợp đồng và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất chỉ là điều kiện về hình thức để giao dịch bảo đảm có hiệu lực theo khoản 1 Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2005. Việc ông Q, bà T thừa nhận đã thực hiện các thủ tục này trong quá trình giải quyết vụ án cũng không làm phát thay đổi hiệu lực của Hợp đồng thế chấp, vì khi ký kết để bảo đảm cho ông N vay số tiền 700.000.000 đồng, ông Q và bà T không hoàn toàn tự nguyện mà chỉ nhằm mục đích để ông N được vay số tiền này từ Ngân hàng, sau đó cho ông Q, bà T vay lại 132.600.000 đồng; mặt khác, số tiền 700.000.000 đồng gốc mà ông N đã vay và được ông Q, bà T thế chấp tài sản để bảo lãnh cho nghĩa vụ trả nợ lớn hơn gấp năm lần số tiền mà ông Q, bà T có nhu cầu vay nên Hợp đồng thế chấp ngày 13-02-2015 đã bị vô hiệu toàn bộ do giả tạo từ thời điểm xác lập theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 122, Điều 127, Điều 129 Bộ luật Dân sự năm 2005. Vì vậy, ông Thạch Q và bà Danh Thị T kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng là có căn cứ.

[9] Về giải quyết hậu quả của Hợp đồng bị vô hiệu, tại Điều 137 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định:

“1. Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập.

2. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải hoàn trả bằng tiền, trừ trường hợp tài sản giao dịch, hoa lợi, lợi tức thu được bị tịch thu theo quy định của pháp luật. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường.” Quá trình giải quyết vụ án từ giai đoạn sơ thẩm, các đương sự đều không yêu cầu bên có lỗi dẫn đến Hợp đồng thế chấp số 01.06/15/HĐTC ngày 13-02-2015 vô hiệu bồi thường, đồng thời tài sản thế chấp thực tế vẫn do ông Q, bà T quản lý, sử dụng nên Hội đồng xét xử không giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại và giao trả tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nhưng do Ngân hàng đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 512943 (số vào sổ 81913090266) ngày 31-12-2008 do Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Danh Thị T nên cần buộc Ngân hàng xóa đăng ký giao dịch bảo đảm để trả lại cho ông Q, bà T theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 13 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23-7-2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm và Điều 350 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[10] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện phía Ngân hàng cũng xác định ông Lê Văn Chính N là em ruột của ông Lê Văn Ch, là Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng vào thời điểm các bên ký kết Hợp đồng tín dụng số 01.06/15/HĐTD ngày 10-02-2015 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01.06/15/HĐTC ngày 13-02-2015. Việc cho vay này tuy không thuộc các trường hợp không được cấp tín dụng, hạn chế cấp tín dụng theo Điều 126, Điều 127 Luật Các tổ chức tín dụng 2010; Điều 19 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban

hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Quyết định số 152/2013/QĐ-NHHT ngày 01/7/2013 của Ngân hàng H Việt Nam. Nhưng qua trình bày của ông H1 và các tài liệu, chứng cứ đã được ông Q, bà T cung cấp, đã đủ cơ sở xác định giữa ông Q, bà T và ông N không có quan hệ thân thuộc hay họ hàng và hoàn toàn không biết nhau từ trước. Việc ông Q, bà T thế chấp tài sản đảm bảo cho ông N vay tiền Ngân hàng để ông N có tiền cho ông Q, bà T vay lại được thực hiện thông qua ông H1 và ông Ch nên trước và trong thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng số 01.06/15/HĐTD ngày 10-02-2015 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01.06/15/HĐTC ngày 13-02-2015, phía Ngân hàng hoàn toàn có thể biết nội dung, mục đích của các giao dịch này vi phạm nguyên tắc và điều kiện vay vốn được quy định tại Điều 6, Điều 7 của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (đã được sửa đổi, bổ sung) và vi phạm điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Tuy nhiên, do Hợp đồng tín dụng số 01.06/15/HĐTD ngày 10-02-2015 không bị kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét hiệu lực của hợp đồng này theo quy định tại Điều 270 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[11] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy kháng cáo của Thạch Q, bà Danh Thị T đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận. Ý kiến của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[12] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[12] Do án sơ thẩm bị sửa nên án phí, chi phí tố tụng khác được xác định theo quy định tại Điều 147, khoản 2 Điều 148, Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án như sau:

[10.1] Về án phí:

+ Ngân hàng H Việt Nam phải chịu 300.000 đồng án phí không có giá ngạch do yêu cầu xử lý tài sản thế chấp không được chấp nhận.

+ Ông Lê Văn Chính N phải chịu 43.953.411 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Thạch Q, bà Danh Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, do ông Q, bà T đã được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Thông báo số 12/TB-TA ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng nên không xem xét, xử lý khoản tiền này.

[10.2] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng H Việt Nam phải chịu tổng cộng là 4.940.000 đồng (3.650.000 đồng ở giai đoạn sơ thẩm và 990.000 đồng ở giai đoạn phúc thẩm).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 122, Điều 127, Điều 129, Điều 350 Bộ luật Dân sự năm 2005 và điểm e khoản 1 Điều 13 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23-7-2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm.

I. Chấp nhận kháng cáo của ông Thạch Q, bà Danh Thị T.

II. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 119/2021/DS-ST ngày 31-8-2021 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Lê Văn Chính N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng H Việt Nam số tiền nợ gốc là 568.920.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 496.193.700 đồng, tổng cộng là 1.065.113.700 đồng (một tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu một trăm mười ba nghìn bảy trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng H Việt Nam về việc xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 48, tờ bản đồ số 02, diện tích 44.217,9 m² tọa lạc tại ấp TT, xã LH, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 512943 do Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Danh Thị T ngày 31-12-2008 để thanh toán nợ cho Ngân hàng H Việt Nam trong trường hợp ông Lê Văn Chính N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả nợ.

3. Tuyên bố Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01.06/15/HĐTC ngày 13-02-2015 (được công chứng ngày 13-02-2015, đăng ký thế chấp ngày 14-02-2015) ký kết giữa Ngân hàng H Việt Nam, ông Lê Văn Chính N và vợ chồng ông Thạch Q, bà Danh Thị T vô hiệu toàn bộ kể từ thời điểm xác lập. Buộc

Ngân hàng H Việt Nam (có Chi nhánh tại tỉnh Sóc Trăng) xóa đăng ký thế chấp đối với quyền sử dụng thửa đất số 48, tờ bản đồ số 02, diện tích 44.217,9 m² tọa lạc tại ấp TT, xã LH, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng và trả lại cho ông Thạch Q, bà Danh Thị T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 512943 (số vào sổ 81913090266) ngày 31-12-2008 do Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Danh Thị T.

4. Án phí và chi phí khác:

4.1. Về án phí:

- Ngân hàng H Việt Nam phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 21.436.000 đồng tạm ứng án phí mà Ngân hàng H Việt Nam đã nộp theo biên lai thu số 0009767 ngày 07-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng; trả lại cho Ngân hàng H Việt Nam số tiền còn thừa là 21.136.000 đồng.

- Ông Lê Văn Chính N phải chịu 43.953.411 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Thạch Q, bà Danh Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4.2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng H Việt Nam phải chịu 4.940.000 đồng. Ngân hàng H Việt Nam đã nộp xong 3.650.000 đồng theo phiếu thu T47 ngày 06/5/2021 và phiếu thu T52 ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách; Ngân hàng H Việt Nam có trách nhiệm trả lại cho bà Danh Thị T số tiền 990.000 đồng do bà Danh Thị T đã nộp tạm ứng chi phí này theo phiếu thu 011GD ngày 25/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa DS; Phòng KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Khương